

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin/ Marxist - Leninist Political Economy	DHS0812062	3	3	2	21	21		9	9 / ( 3 tuần)
2	Giáo dục thể chất 3/ Physical Education 3 *	DHS0816031	3	3	1			15		15 / ( 8 tuần)
3	Y học cơ bản / Basic Medicine	DHS0521124	3	3	4	46	46	28		28 / ( 7 tuần)
4	Hóa Phân tích / Analytical Chemistry	DHS0611265	3	3	5	53	53	44		44 / ( 11 tuần)
5	Thực vật – Dược liệu – Dược học cổ truyền 1 / Botany - Pharmacognosy - Traditional medicine 1	DHS04170881	3	3	4	38	38	44		44 / ( 11 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>15</b>	<b>158</b>	<b>158</b>	<b>131</b>	<b>9</b>	
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	DHS0812052	4	4	2	21	21		9	9 / ( 3 tuần)
7	Giáo dục quốc phòng-An ninh/ Defense and security education *	DHS0099438	4	4	8	77	77	72	16	88 / ( 2 tuần)
8	Vi Sinh Dược / Pharmaceutical Microbiology	DHS0320153	4	4	3	41	41	8		8 / ( 2 tuần)
9	Pháp luật đại cương và các quy định trong ngành Dược / Introduction to law and Pharmaceutical regulations	DHS0703362	4	4	2	22	22	8	8	16 / ( 4 tuần)
10	Hoá Dược/ Pharmaceutical Chemistry	DHS0208116	4	4	6	58	58	48	16	64 / ( 16 tuần)
11	Thực vật – Dược liệu – Dược học cổ truyền 2 / Botany - Pharmacognosy - Traditional medicine 2	DHS04060882	4	4	4	46	46	12	16	28 / ( 7 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>17</b>	<b>265</b>	<b>265</b>	<b>148</b>	<b>65</b>	

Ghi chú: - Học phần có dấu (\*) không tính vào tổng số TCCB

- "CTĐT: LKNN-USYD": Chương trình liên kết song bằng ngành Dược học với Đại học Sydney, Úc

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 3

NGÀNH: Dược học HỆ: CQ CTĐT: LKNN-USYD NĂM HỌC: 2026-2027

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Giáo dục thể chất 1/ Physical Education 1 *	DHS0816011	1	1	1			15		15 / ( 8 tuần)
2	Hóa đại cương - vô cơ/ General Inorganic Chemistry	DHS0809073	1	1	3	31	31	28		28 / ( 7 tuần)
3	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics	DHS0819122	1	1	2	14	14	32		32 / ( 8 tuần)
4	Thống kê Dược/ Pharmacy Statistics	DHS0819132	1	1	2	30	30			
5	Nhập môn Dược khoa/ Introduction to Pharmacy	DHS0099193	1	1	3	27	27	36		36 / ( 9 tuần)
6	Hóa sinh và sinh học phân tử tế bào 1 / Biochemistry and molecular cell biology 1	DHS03151451	1	1	2	30	30			
Cộng:					<b>12</b>	<b>132</b>	<b>132</b>	<b>111</b>	<b>0</b>	
7	Triết học Mác-Lênin/ Philosophy of Marxism - Leninism	DHS0812083	2	2	3	33	33		12	12 / ( 4 tuần)
8	Giáo dục thể chất 2/ Physical Education 2 *	DHS0816021	2	2	1			15		15 / ( 8 tuần)
9	Vật lý ứng dụng/ Applied Physics for Pharmacy	DHS0824082	2	2	2	20	20	20		20 / ( 5 tuần)
10	Hóa hữu cơ/ Organic chemistry	DHS0210115	2	2	5	53	53	40	4	44 / ( 11 tuần)
11	Hóa sinh và sinh học phân tử tế bào 2 / Biochemistry and molecular cell biology 2	DHS03151452	2	2	3	31	31	28		28 / ( 7 tuần)
12	Dược xã hội học / Social Pharmacy	DHS0703372	2	2	2	26	26		8	8 / ( 2 tuần)
Cộng:					<b>15</b>	<b>163</b>	<b>163</b>	<b>103</b>	<b>24</b>	

Ghi chú: - Học phần có dấu (\*) không tính vào tổng số TCCB

- "CTĐT: LKNN-USYD": Chương trình liên kết song bằng ngành Dược học với Đại học Sydney, Úc

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
DƯỢC HÀ NỘI  
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 3 KHÓA: 1

NGÀNH: Dược học HỆ: CQ CTĐT: LKNN-USYD NĂM HỌC: 2026-2027

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Thought	DHS0812092	5	5	2	21	21		9	9 / ( 3 tuần)
2	Bào chế và sản xuất thuốc / Pharmaceuticals and Pharmaceutical manufacturing	DHS0101158	5	5	8	88	88	64		64 / ( 16 tuần)
3	Nguyên lý cơ bản về Dược lý và sử dụng thuốc trong điều trị / Principles of Pharmacology and Pharmacotherapy	DHS0507132	5	5	2	22	22	16		16 / ( 4 tuần)
4	Quản lý cung ứng thuốc / Managing drug supply	DHS0703383	5	5	3	33	33	16	8	24 / ( 6 tuần)
Cộng:					15	164	164	96	17	
5	Lịch sử Đảng cộng Sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	DHS0812072	6	6	2	21	21		9	9 / ( 3 tuần)
6	Kiểm nghiệm / Drug Quality Control	DHS0611272	6	6	2	20	20	20		20 / ( 5 tuần)
Cộng:					4	41	41	20	9	

Ghi chú: - Học phần có dấu (\*) không tính vào tổng số TCCB

- "CTĐT: LKNN-USYD": Chương trình liên kết song bằng ngành Dược học với Đại học Sydney, Úc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
DƯỢC HÀ NỘI  
Đinh Thị Thanh Hải